

BÀI ÔN SỐ 2 CẤP TỈNH (1)

36

Câu 1. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Số trên được đọc là:

- A. Ba mươi lăm
- B. Sáu mươi ba
- C. Ba mươi sáu

Câu 2. Bạn hãy điền số thích hợp vào chỗ trống. Số ba mươi lăm được viết dưới dạng số là:

28

Câu 3. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Số trên được đọc là:

- A. Hai mươi tám
- B. Tám mươi hai
- C. Tám hai

Câu 4. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho bảng sau:

Viết số	Đọc số
21	Hai mươi một
34	Ba mươi tư
36	Ba sáu
22	Hai mươi hai

Trong bảng trên có bao nhiêu số đọc đúng?

- A. 1 số
- B. 2 số
- C. 3 số

Câu 5. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho bảng sau:

Viết số	Đọc số
23	Hai mươi ba
33	Ba mươi ba
26	Hai sáu
39	Ba mươi chín

Trong bảng trên có bao nhiêu số đọc đúng?

- A. 1 số
- B. 2 số
- C. 3 số

Câu 6. Số lớn nhất có hai chữ số là

Câu 7. Bạn hãy chọn tất cả đáp án đúng.

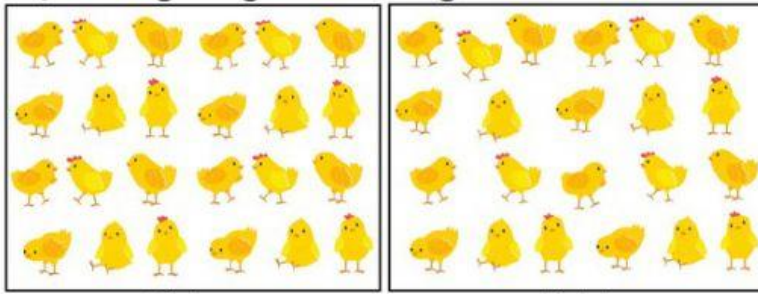


Từ hai số của bạn ếch và chuột, ta có thể tạo được số nào dưới đây?

- A. 23
- B. 32
- C. 13
- D. 12

Câu 8. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Trong vườn nhà Mai có hai mươi tư chú gà con. Hình nào dưới đây thể hiện đúng số gà con trong vườn nhà Mai?



Hình a

Hình b

- A. Hình a
- B. Hình b
- C. Không có hình nào
- D. Cả hai hình

Câu 9. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

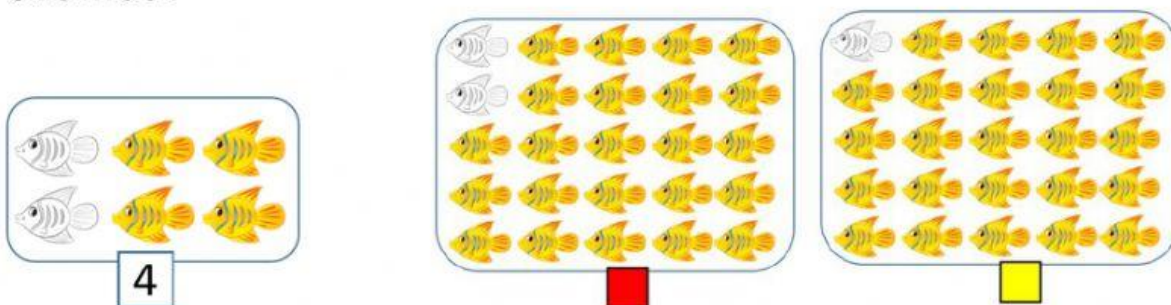


Trong các số trên, có bao nhiêu số là số có hai chữ số?

- A. 6 số
- B. 5 số
- C. 4 số
- D. 3 số

Câu 10. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho mẫu:



Số cần điền vào ô màu đỏ là:.....

Số cần điền vào ô màu vàng là:.....

Câu 11. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

... > 54

Trong các số dưới đây, số thích hợp điền vào dấu ba chấm là:

- A. 53
- B. 54
- C. 55

Câu 12. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho $24 \dots 25$.

Trong ba dấu $>$; $=$; $<$, dấu thích hợp để điền vào dấu ba chấm là:

A. $>$

B. $=$

C. $<$

Câu 13. Bạn hãy chọn **tất cả** đáp án đúng. Số nào dưới đây bé hơn 35?

A. 29

B. 32

C. 41

D. 50

Câu 14. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho $34 < \dots < 43$.

Hỏi có bao nhiêu số có chữ số hàng chục là 4 thích hợp điền vào chỗ chấm trên?

A. 3 số.

B. 2 số.

C. 4 số.



Câu 15. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Số nào là số lớn nhất?

A. 32

B. 36

C. 38

Trong các số trên,

Câu 16. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.



Trong các số 45; 48; 41 số lớn nhất là:...

Câu 17. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Trên có bao nhiêu số lớn 40?

A. 1 số

B. 2 số

C. 3 số



Trong các số

Câu 18. Bạn hãy điền số thích hợp vào chỗ trống.

Tìm một số có chữ số hàng đơn vị là 9, biết số đó lớn hơn 77 và nhỏ hơn 88 . Trả lời: Số đó là.....

Câu 19. Bạn Thảo có 23 cái bút, bạn Hằng có 26 cái bút, bạn Tân có 21 cái bút. Lúc sau, bạn Hằng cho bạn Tân 4 cái bút.

Bạn hãy sắp xếp từ trên xuống dưới tên của các bạn theo số bút của mỗi bạn lúc sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

Câu 20. Bạn hãy chọn phép so sánh đúng.

A. $45 < 46$

B. $43 > 76$

C. $32 = 33$

D. $32 > 42$

Câu 21. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

71

Số trên có cách đọc là:

A. Bảy một

B. Bảy mươi mốt

C. Sáu một

Câu 22. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

89

Số trên có cách đọc là:

A. Tám tám

B. Tám mươi

C. Tám mươi chín

Câu 23. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

73

Số trên có cách đọc là:

A. Bảy ba

B. Bảy mươi ba

C. Sáu ba

Câu 24. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Các số dưới đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn.



Số cần điền vào dấu hỏi chấm là.....

Câu 25. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.
Các số dưới đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn.



Số cần điền vào dấu hỏi chấm là

Câu 26. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.
Các số dưới đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn.



Số cần điền vào dấu hỏi chấm là

Câu 27. Bạn hãy giúp chú ong chọn đúng lọ mật của mình nhé!



Tám mươi sáu



A.



B.



C.



D.

Câu 28. Bạn hãy giúp chú chó chọn đúng cái xúc xích của mình nhé!



Tám mươi



A.



B.



C.



D.

Câu 29. Bạn hãy chọn đáp án đúng.
Chú chim cánh cụt nào mang số "Chín mươi ba"?



A.



B.



C.



D.

Câu 30. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.



Số thích hợp điền vào ô màu đỏ là:.....

Số thích hợp điền vào ô màu vàng là:

Số thích hợp điền vào ô màu xanh là: .